

KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA GIAN LẬN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

PGS.TS. Lê Xuân Trường* - TS. Nguyễn Phùng Thu Hằng** - TS. Lê Anh Tuấn***
TS. Nguyễn Hoàng Tuấn*

Bài viết này đánh giá quá trình hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật xét trên phương diện phòng ngừa và chống gian lận hóa đơn điện tử (HĐĐT). Bài viết cũng chỉ ra các hạn chế và các khoảng trống pháp lý về quản lý HĐĐT ở Việt Nam, phân tích các nguyên nhân chủ quan và khách quan của các hạn chế đó. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản pháp lý về quản lý HĐĐT ở Việt Nam.

• Từ khóa: hóa đơn điện tử, phòng ngừa, gian lận, cơ sở pháp lý.

This paper evaluates the process of perfecting legal documents in terms of preventing and combating e-invoice fraud. The paper also points out the limitations and legal gaps in e-invoice management in Vietnam, analyzing the subjective and objective causes of those limitations. Based on that analysis, the paper proposes a number of recommendations for amending and supplementing legal documents on e-invoice management in Vietnam.

• Key words: e-invoice, prevent, fraud, legal basis.

Ngày nhận bài: 02/10/2025

Ngày gửi phản biện: 05/10/2025

Ngày duyệt đăng: 29/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i299.04>

1. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp so sánh* được sử dụng để thấy được sự thay đổi theo thời gian hoặc thấy được tương quan của các đối tượng nghiên cứu về gian lận HĐĐT và phòng ngừa, chống gian lận HĐĐT.

- *Phương pháp điều tra xã hội học và kiểm định bằng mô hình định lượng*:

Phiếu khảo sát được thiết kế bằng google.form và gửi qua email và các mạng xã hội để người được khảo sát trả lời và gửi lại qua mạng internet. Khảo sát được thực hiện từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2025.

Để thu thập số liệu phục vụ cho việc phân tích mô hình nghiên cứu nhóm nghiên cứu đã xây dựng 2 bảng hỏi để thu thập thông tin dữ liệu sơ cấp. Các câu hỏi trong cả hai bảng hỏi này đều được thiết kế dưới dạng các câu hỏi đo lường và các câu hỏi mở. Trong đó, các câu hỏi hỏi đo lường giúp so sánh tất

cả các câu trả lời, tránh những câu trả lời mơ hồ từ những người trả lời. Các câu hỏi đo lường được đánh giá bằng cách sử dụng thang điểm Likert 5.

Bảng hỏi dành cho doanh nghiệp được chia làm ba phần. Phần I- thông tin chung về đối tượng khảo sát: Vốn điều lệ, Loại hình doanh nghiệp, Lĩnh vực kinh doanh chính, Thời gian hoạt động của doanh nghiệp, Số lượng nhân viên, Địa bàn nơi đóng trụ sở chính; Phần II- khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến gian lận HĐĐT (Nhóm yếu tố về áp lực tài chính, Nhóm yếu tố về cơ hội, Nhóm yếu tố về biện minh, Nhóm yếu tố về thái độ, Nhóm yếu tố về chuẩn mực xã hội, Nhóm yếu tố về kiểm soát hành vi cảm nhận, Nhóm yếu tố về ý định gian lận, Nhóm yếu tố về hành vi thực tế); Phần III- Ý kiến.

Bảng hỏi dành cho cán bộ, công chức thuế được chia làm ba phần. Phần I- thông tin chung về đối tượng khảo sát: Vị trí công tác, cấp độ quản lý, địa bàn quản lý, thời gian làm việc trong ngành thuế; Phần II và phần III có nội dung tương tự như bảng hỏi dành cho doanh nghiệp.

Sau khi thực hiện khảo sát, nhóm nghiên cứu thu được 349 phiếu trả lời với nhóm đối tượng khảo sát là doanh nghiệp. Loại bỏ các phiếu không hợp lệ, kết quả thu được 326 phiếu hợp lệ có thể sử dụng để nghiên cứu. Đối với phiếu hỏi công chức thuế, nhóm tác giả thu được 325 phiếu trả lời với nhóm đối tượng là công chức thuế. Loại bỏ các phiếu không hợp lệ, kết quả thu được 313 phiếu hợp lệ có thể sử dụng để nghiên cứu.

Sử dụng SPSS 27.0 để phân tích, kiểm định cho thấy: Các kiểm định về độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan và hồi quy chỉ ra biến không phù hợp cần loại bỏ và xác định kết quả nghiên cứu tin cậy

* Học viện Tài chính; email: lexuantruong@hvtc.edu.vn - nguyenhoangtuan@hvtc.edu.vn

** Trường Công nghệ, Đại học Kinh tế quốc dân; email: hangnpt@neu.edu.vn

*** Bộ Tài chính; email: leantuan@mof.gov.vn

có thể sử dụng để đánh giá, nhận xét về đối tượng nghiên cứu.

2. Quá trình hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm phòng ngừa và chống gian lận HĐĐT ở Việt Nam

Cơ sở pháp lý cho sự ra đời của HĐĐT ở Việt Nam bắt đầu bằng Thông tư 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2011. Sau đó, Thông tư này được thay thế bằng Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ.

Thay đổi lớn nhất liên quan đến việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho quản lý HĐĐT nói chung và phòng ngừa, chống gian lận HĐĐT nói riêng được ghi dấu ấn bằng sự ra đời của **Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14** được Quốc hội thông qua ngày 13/06/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2020. Theo đó, Luật này bổ sung chương X “Áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử” với các nội dung cơ bản là: Khái niệm hóa đơn, chứng từ điện tử; nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử; áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; dịch vụ HĐĐT; cơ sở dữ liệu về HĐĐT. Đặc biệt, để đảm bảo chuẩn bị kỹ lưỡng cho triển khai mở rộng HĐĐT, Luật này đã xác định lộ trình bắt buộc áp dụng quy định HĐĐT từ ngày 1/7/2025, thay cho lộ trình bắt buộc chuyển đổi sang HĐĐT từ ngày 1/11/2020 theo quy định tại Nghị định 119/2018/NĐ-CP.

Trên cơ sở quy định cơ bản tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Chính phủ đã ban hành **Nghị định 123/2020/NĐ-CP** ngày 19/10/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2022. Theo đó, kể từ ngày 1/7/2022, cơ bản chuyển đổi áp dụng HĐĐT với tất cả các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Đồng thời, khuyến khích áp dụng chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang HĐĐT trước ngày 1/7/2022. Xét trên phương diện hoàn thiện cơ sở pháp lý để phòng ngừa và chống gian lận HĐĐT, Nghị định 123/2020/NĐ-CP **có hai điểm đáng chú ý** sau: (1) Thiết lập toàn diện các nghĩa vụ, trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, sử dụng HĐĐT; (2) Bổ sung các quy định cho đầy đủ hơn, bao quát hơn và nội dung về quản lý HĐĐT.

Trên cơ sở Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành **Thông tư 78/2021/TT-BTC** ngày 17/9/2021. Thông tư này hướng dẫn cho rõ hơn, đầy đủ hơn các trường hợp và thủ tục ủy nhiệm lập HĐĐT; các quy tắc xác định một số nội dung cụ thể của HĐĐT; chuyển đổi áp dụng HĐĐT trong các trường hợp cụ thể, đặc biệt là trường hợp người nộp

thuế rủi ro cao về thuế; quy định các tiêu chí cụ thể đối với tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT; quy định lộ trình triển khai mở rộng HĐĐT...

Cùng với việc sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý HĐĐT, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành **Nghị định 125/2020/NĐ-CP** ngày 19/10/2020 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn thay thế cho Nghị định 129/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn. Trên phương diện tạo cơ sở pháp lý để phòng ngừa và chống gian lận về hóa đơn, Nghị định này **có 4 điểm mới đáng chú ý** sau:

(1) Bổ sung một số hình thức xử phạt gắn với các nghĩa vụ, trách nhiệm, thủ tục và nội dung quản lý về HĐĐT cho phù hợp với quy định quản lý mới về hóa đơn theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

(2) Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc xác định ngày thực hiện hành vi vi phạm để xác định thời hiệu xử phạt hành chính về hóa đơn được chặt chẽ hơn, ngăn ngừa hành vi lợi dụng để lách xử phạt của người nộp thuế.

(3) Tăng mạnh mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.

(4) Quy định rõ các hành vi trốn thuế liên quan đến gian lận về hóa đơn và giải thích rõ hơn về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ có liên quan đến vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

Sau 2,5 năm chính thức thi hành, Nghị định 123/2020/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập, vướng mắc. Do vậy, Chính phủ đã ban hành **Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025**, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/6/2025. Xét trên phương diện hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng ngừa và chống gian lận HĐĐT, Nghị định này **có 6 điểm mới chủ yếu sau đây**:

(1) Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nguyên tắc lập hóa đơn và thời điểm lập hóa đơn để giải quyết những vấn đề bất cập, vướng mắc trong lập hóa đơn và ký số trên HĐĐT.

(2) Bãi bỏ một số quy định về lập hóa đơn, quản lý hóa đơn, nội dung hóa đơn không phù hợp, không chặt chẽ, tạo kẽ hở cho gian lận HĐĐT.

(3) Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nội dung hóa đơn để đảm bảo quản lý chặt chẽ đối tượng sử dụng hóa đơn đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của những lĩnh vực đặc thù.

(4) Bổ sung đối tượng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế đối với một số đối tượng có hoạt động bán hàng hóa,

cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng.

(5) Bổ sung quy định về cách thức lập hóa đơn để điều chỉnh HĐĐT đã lập trong một số trường hợp đặc thù mà không phải là lập bị sai sót nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quản lý, sử dụng hóa đơn đối với các trường hợp cụ thể.

(6) Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đăng ký sử dụng và ngừng sử dụng HĐĐT nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quản lý hóa đơn và ngăn chặn kịp thời những trường hợp có dấu hiệu vi phạm về quản lý, sử dụng hóa đơn.

Ngày 1/6/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành **Thông tư 32/2025/TT-BTC** thay thế Thông tư 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành các Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 70/2025/NĐ-CP. Xét trên phương diện hoàn thiện cơ sở pháp lý để phòng ngừa và chống gian lận HĐĐT, Thông tư này **có 3 điểm mới đáng chú ý** sau đây: (1) Bổ sung quy định cụ thể về nội dung của HĐĐT kiêm tờ khai hoàn thuế giá trị gia tăng làm cơ sở để tổ chức thực hiện nội dung này trong thực tiễn; (2) Quy định rõ lộ trình và điều kiện chuyển đổi áp dụng HĐĐT và HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền để tạo tiền đề cho việc kiểm tra sự tuân thủ chuyển đổi HĐĐT và HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền của người nộp thuế; (3) Bổ sung quy định về người nộp thuế rủi ro cao và rủi ro rất cao khi đăng ký sử dụng HĐĐT làm cơ sở để phân loại và có biện pháp quản lý phù hợp, vừa nâng cao hiệu quả quản lý, vừa tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, vừa thúc đẩy người nộp thuế nâng cao ý thức tuân thủ về HĐĐT.

3. Vài nét về tình hình gian lận HĐĐT và những khoảng trống pháp lý và hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về quản lý HĐĐT ở Việt Nam

Mặc dù, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã liên tục rà soát và hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý HĐĐT cũng như tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện quy phạm pháp luật về hóa đơn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về hóa đơn nhưng tình hình gian lận HĐĐT thời gian qua vẫn diễn ra khá phức tạp. Các hành vi gian lận chủ yếu là:

- Thành lập doanh nghiệp ma chỉ bán hóa đơn rồi bỏ trốn. Trong số khoảng xấp xỉ 200.000 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh không làm thủ tục đóng mã số thuế lũy kế tính đến nay thì khoảng một nửa là các doanh nghiệp gian lận hóa đơn theo hình thức này.

- Vừa kinh doanh thực tế vừa kết hợp bán hóa đơn thu lời. Điển hình cho kiểu gian lận này là vụ án gian lận hóa đơn do Nguyễn Minh Tú cầm đầu mà Công an Phú Thọ đã điều tra và Tòa án đã đưa ra

xét xử tháng 12/2023. Nguyễn Minh Tú đã trực tiếp và thông qua 73 đối tượng trung gian, sử dụng 646 công ty, để bán trái phép hơn 1 triệu hóa đơn giá trị gia tăng cho 88.053 đơn vị, tổ chức với tổng doanh số hơn 63.762 tỷ đồng (Kim Sa, 2023).

- Thành lập chuỗi doanh nghiệp (hệ sinh thái riêng) chỉ để tạo hóa đơn nhằm hợp pháp hóa hàng hóa nhập lậu. Điển hình cho kiểu gian lận này là vụ án gian lận hóa đơn của Xăng dầu Phát (Hải Phòng).

- Thành lập chuỗi doanh nghiệp (hệ sinh thái riêng) chỉ để tạo hóa đơn nhằm chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng. Điển hình cho kiểu gian lận này là vụ án Thủ Đức House. Theo Đinh Chiến và Bùi Lộc (2023), bằng cách thức gian lận này, Trịnh Tiến Dũng và đồng bọn đã chiếm đoạt 365 tỷ đồng tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của ngân sách nhà nước.

- Thành lập chuỗi doanh nghiệp (hệ sinh thái riêng) để tạo hóa đơn nhằm nâng khống giá trị vốn kinh doanh và các khoản đầu tư.

Những phân tích trên cho thấy, thực trạng gian lận HĐĐT vẫn còn rất nghiêm trọng xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có một số hạn chế, bất cập, khoảng trống pháp lý về quản lý HĐĐT. Đó là: (1) Chưa có quy định bắt buộc về việc lắp đặt thiết bị giám sát tự động để quản lý việc lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; (2) Chưa có định nghĩa rõ ràng và đầy đủ về một hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn; (3) Mức xử phạt hành chính tối đa đối với vi phạm hành chính về hóa đơn chưa được quy định rõ ràng dẫn đến có những cách hiểu khác nhau; (4) Mức xử phạt đối với một số loại hành vi vi phạm không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi, có trường hợp quá nặng và có trường hợp quá nhẹ; (5) Chưa có chế tài xử lý vi phạm đầy đủ cho một số nghĩa vụ phải thực hiện của người nộp thuế trong quản lý, sử dụng hóa đơn.

Dưới góc độ pháp lý, tình trạng gian lận hóa đơn và những hạn chế trong cơ sở pháp lý về quản lý hóa đơn nói trên xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

Một là, năng lực xây dựng pháp luật của các cơ quan nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hai là, các cơ quan tham mưu văn bản pháp luật về quản lý HĐĐT chưa khảo sát thực tiễn đúng mức và đầy đủ, chưa đánh giá tác động đầy đủ khi xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật về quản lý hóa đơn.

Ba là, ý thức tuân thủ pháp luật chưa tốt mức độ hiểu biết pháp luật của một bộ phận người nộp thuế chưa cao. Không ít người nộp thuế cố tình vi phạm pháp luật và chủ động gian lận về hóa đơn để trục lợi hoàn thuế hoặc trốn thuế. Kết quả phân tích và kiểm

định của nhóm nghiên cứu từ khảo sát doanh nghiệp cho thấy, giả thiết H6 được hỗ trợ mạnh mẽ. IN có ảnh hưởng tích cực và là yếu tố có tác động lớn nhất ($\text{Beta} = 0.446$, $p < 0.001$), khẳng định rằng ý định gian lận là một yếu tố quyết định trực tiếp và quan trọng đối với hành vi gian lận thực tế (BH).

Bốn là, chuẩn mực xã hội về tuân thủ pháp luật chưa đủ tích cực để cản trở ý định gian lận thuế nói chung và gian lận HĐĐT nói riêng. Chưa hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật của đại bộ phận người nộp thuế ở Việt Nam. Từ kết quả tổng hợp sau khi kiểm định mô hình kinh tế lượng của nhóm nghiên cứu cho thấy, cơ hội và chuẩn mực xã hội (OPSN) có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê rất cao ($p < 0.001$), cho thấy khi doanh nghiệp cảm nhận rằng, khách hàng hoặc đối tác không quan tâm đến tính hợp pháp của hóa đơn điện tử, việc gian lận không bị phản đối từ xã hội thì tạo cơ hội cho hành vi gian lận (BH) tăng lên. Hệ số Beta cho thấy tác động rất mạnh.

4. Một số khuyến nghị hoàn thiện cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả phòng ngừa và chống gian lận HĐĐT ở Việt Nam

Để lấp đầy khoảng trống pháp lý về quản lý HĐĐT, đồng thời, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế, cần nghiên cứu hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý HĐĐT với các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, sửa đổi quy định pháp luật về nội dung của HĐĐT đã lập để tạo thuận lợi cho việc lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ của hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ quy mô nhỏ. Trong thực tế các trường hợp bán lẻ hàng hóa, đặc biệt là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thì giá trị mua hàng thường rất nhỏ và thời gian mua hàng thường tập trung vào một vài thời điểm trong ngày nên lượng khách hàng đông, nếu bắt buộc cung cấp thông tin thì người mua sẽ rất ngại vì mất thời gian và còn lo ngại lộ thông tin cá nhân nếu cung cấp mã số thuế. Khi đó, trong trường hợp này, việc yêu cầu bắt buộc phải có thông tin đã tạo sức ép người bán hàng tìm cách hợp pháp hóa thông tin trên hóa đơn. Do vậy, rất nên mở rộng diện áp dụng quy định này để tạo thuận lợi cho người kinh doanh tuân thủ pháp luật về quản lý HĐĐT.

Thứ hai, cần bổ sung quy định bắt buộc về việc lắp đặt thiết bị giám sát tự động để quản lý việc lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Điều cần lưu ý rằng, hành vi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn ở lĩnh vực kinh doanh bán lẻ khi

mà người mua hàng không có nhu cầu lấy hóa đơn và thanh toán tiền mặt không thể khắc phục bằng việc thay thế HĐĐT cho hóa đơn giấy. Có nhiều cách khác nhau để kiểm soát, ngăn chặn hành vi này. Trong đó, quy định pháp luật về việc bắt buộc lắp đặt thiết bị giám sát tự động đối với một số lĩnh vực bán lẻ có nguy cơ gian lận cao và các doanh nghiệp, hộ kinh doanh quy mô lớn là cần thiết.

Thứ ba, cần bổ sung chế tài xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn để bao quát hết các nghĩa vụ hành chính phải thực hiện của người nộp thuế và các loại hành vi vi phạm của người nộp thuế. Theo đó, các vấn đề cần quy định bổ sung là: (1) Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lập sai loại HĐĐT; (2) Hành vi phạm về ký số trên hóa đơn sai thời điểm (Hiện mới có quy định xử phạt hành vi lập hóa đơn sai thời điểm nhưng quy định “Hóa đơn đã lập được ký số chậm nhất là một ngày làm việc kể từ khi lập HĐĐT” thì không thể quy vào vi phạm là lập hóa đơn sai thời điểm vì hóa đơn đã được lập nhưng chỉ ký số sai thời điểm quy định); (3) Hành vi vi phạm về chuyển đổi áp dụng hóa đơn có mã và không có mã của cơ quan thuế; (4) Hành vi vi phạm về chuyển đổi sang áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền.

Thứ tư, cần điều chỉnh mức xử phạt đối với một số loại hành vi vi phạm cho tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm. Theo đó, cần rà soát lại tổng thể các hành vi vi phạm về hóa đơn và mức xử phạt để đảm bảo vừa đảm bảo răn đe, vừa tương thích với tính chất vi phạm và hậu quả của hành vi vi phạm.

Thứ năm, cần bổ sung cho rõ hơn chế tài xử phạt hành chính về hóa đơn để làm rõ thế nào là một hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn vì tính chất vi phạm về hóa đơn rất khác so với các hành vi vi phạm hành chính khác.

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về quản lý hóa đơn nói trên, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý hóa đơn, đặc biệt cần đổi mới hệ thống để đảm bảo tính kết nối giữa các phần mềm quản lý thuế và quản lý hóa đơn; nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế; tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; đổi mới cách thức công khai thông tin trên công thông tin điện tử của cơ quan thuế./.

Tài liệu tham khảo:

- Đình Chiến và Bùi Lộc (2023), “Tư vụ án xảy ra tại Thủ Đức House: Nhận diện những lỗ hổng chính sách pháp luật thuế, hải quan, doanh nghiệp”, Tạp chí điện tử Pháp lý, ngày 8/9/2023.
Kim Sa (2023), “Kết cục của những kẻ trốn thuế bằng hóa đơn”, Công an nhân dân online, ngày 15/12/2023.